

Số: 202 CV/DKVN

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2024

Kính gửi: Ông Bộ trưởng Bộ Công Thương

Đồng kính gửi: Ban soạn thảo Nghị định về dự án điện khí và LNG

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định **Quy định về cơ chế phát triển các dự án điện sử dụng khí thiên nhiên và LNG** (dự thảo 1 ngày 20.4.2024) do Bộ Công Thương soạn thảo, Hội Dầu khí Việt Nam có một số ý kiến tham gia như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Quy định về cơ chế phát triển các dự án điện sử dụng khí thiên nhiên và LNG

Theo quy hoạch Điện VIII, hiện có 13 dự án điện khí LNG đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Danh mục các dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư của ngành điện. Theo đó, mục tiêu tới năm 2030 sẽ có **22.524 MW** điện khí LNG, tiêu thụ khoảng 22,5 tỷ m³ khí/năm, tương đương 16,1 triệu tấn LNG/năm (chưa bao gồm phần LNG cấp bù cho các nhà máy điện khí đang hoạt động có tổng công suất 14.930 MW), chiếm 14,9% tổng nguồn điện của cả nước. Tổng nhu cầu vốn cho các dự án chưa triển khai khoảng 20 tỷ USD và khoảng 6,3 tỷ USD để xây dựng hệ thống kho chứa, cảng nhập LNG. Theo tổng kết báo cáo của các Chủ đầu tư thì trong quá trình triển khai còn có một số khó khăn, thách thức như: Thị trường tiêu thụ điện khí LNG tăng trưởng chậm so với mục tiêu trong Quy hoạch điện VIII, thiếu khung pháp lý để hoàn thành đàm phán và ký kết các thỏa thuận về Pháp lý – Kinh tế - Thương mại giữa các chủ thể trong chuỗi dự án điện khí LNG... nên việc xây dựng, ban hành Quy định về cơ chế phát triển các dự án điện sử dụng khí thiên nhiên và LNG là cần thiết và cấp bách nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị/doanh nghiệp điện trong phát triển các dự án điện sử dụng khí thiên nhiên và LNG như phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quy hoạch điện VIII.

2. Ý kiến chung

Dự thảo Nghị định đã tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách trong phát triển các dự án điện sử dụng khí thiên nhiên và LNG như: quy định về cơ chế chuyển ngang giá khí sang giá điện của các nhà máy điện; quy định tỷ lệ điện năng qua hợp đồng mua bán điện dài hạn ở mức tối thiểu bằng 70% trong thời gian trả nợ của dự án nhà máy điện; Một số nội dung chính áp dụng trong hợp đồng mua bán điện.

Tuy nhiên tại dự thảo lần này một số nội dung/vấn đề còn tồn tại, khó khăn của các dự án điện khí tự nhiên và đặc biệt là chuỗi dự án LNG vẫn cần được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện mới tạo đủ điều kiện và đủ để tháo gỡ vướng mắc (do chưa có hoặc cơ sở pháp lý hiện hành chưa phù hợp với tình hình thực tế) cho các cơ quan quản lý,

HỘI
DẦU
KHÍ

chủ đầu tư/doanh nghiệp trong thực hiện các dự án điện khí và LNG như nêu tại mục 3 dưới đây.

3. Một số ý kiến đóng góp cụ thể về dự thảo Nghị định

3.1 Về tên gọi của Dự thảo Nghị định

Đề phù hợp với thực tế (Điện khí thiên nhiên và LNG bao gồm cả chuỗi từ chủ các mỏ khí, nhập khẩu LNG, chủ kho cảng LNG, vận chuyển, tái hóa khí) và nội dung hướng dẫn nên đề nghị tên gọi Nghị định sửa đổi thành: “***Nghị định quy định về cơ chế phát triển các dự án điện trong chuỗi sử dụng khí thiên nhiên và LNG***”.

3.2 Về căn cứ xây dựng Nghị định

Việc xây dựng cơ chế phát triển các dự án điện trong chuỗi sử dụng khí thiên nhiên và LNG cần căn cứ và phù hợp/thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cũng như chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, do vậy, đề nghị bổ sung các căn cứ xây dựng Nghị định như sau:

- Căn cứ Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Căn cứ Luật Dầu khí ngày 14 tháng 11 năm 2022;
- Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26-07-2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch Điện VIII);

Đồng thời, đề nghị sửa đổi nội dung cho phù hợp với tên gọi: Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế phát triển các dự án điện trong chuỗi sử dụng khí thiên nhiên và LNG.

3.3 Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1):

Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: Nghị định này quy định về cơ chế phát triển các dự án điện trong chuỗi sử dụng khí thiên nhiên (bao gồm trong nước và nhập khẩu) và kho cảng nhập khẩu LNG.

3.4 Điều về giải thích từ ngữ/khái niệm:

Trong dự thảo hiện tại hoàn toàn chưa có phần định nghĩa và giải thích từ ngữ, do đó cần được bổ sung và lưu ý như: Khí thiên nhiên (phù hợp với khái niệm tại Luật Dầu khí); khí LNG; kho cảng và cụm kho cảng nhập khẩu LNG; chuỗi dự án sử dụng khí thiên nhiên....

3.5 Về đối tượng áp dụng (Điều 2):

Đề nghị sửa đổi, bổ sung đối tượng và phạm vi điều chỉnh như sau: Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi dự án đầu tư, phát triển và tiêu

thụ các nguồn khí thiên nhiên, kho cảng LNG đến các dự án phát điện, tiêu thụ điện, điều hành hệ thống điện, thị trường điện sử dụng khí thiên nhiên trong nước, khí thiên nhiên nhập khẩu bằng đường ống và LNG, cụ thể như sau:

1. Đơn vị phát điện, sở hữu nhà máy điện khí, vận hành hệ thống điện quốc gia và vận hành và tham gia thị trường điện:

- a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- b) Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- c) Các đơn vị phát điện, sở hữu nhà máy điện khí;
- d) Đơn vị điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện;
- e) Các hộ tiêu thụ điện khí thiên nhiên và khí LNG.

2. Các chủ sở hữu của các nguồn khí thiên nhiên và LNG cung cấp cho các nhà máy điện khí”.

3.6 Về Cơ chế cho dự án nhà máy điện khí sử dụng LNG nhập khẩu (tại Điều 3)

Để phù hợp với tình hình thực tế các dự án/nhà máy đang triển khai/hoạt động, cũng như các dự án hình thành trong tương lai. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 3 dự thảo Nghị định như sau:

“ Điều 3: Cơ chế cho dự án nhà máy điện khí trong chuỗi sử dụng LNG

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư dự án nhà máy điện sử dụng LNG phải chủ động thực hiện các dự án đã có trong Quy hoạch điện theo đúng quy định, bảo đảm hiệu quả; thống nhất việc các doanh nghiệp phải chủ động đàm phán, ký kết và chịu trách nhiệm về các hợp đồng, thỏa thuận thương mại.

2. Chính phủ đồng ý nguyên tắc cơ chế chuyển ngang giá LNG (bao gồm cả cước phí vận chuyển; cước phí tồn trữ, tái hoá; phí phân phối và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác) trong các hợp đồng mua bán LNG sang giá điện của các nhà máy điện khí trong hợp đồng mua bán điện.

3. Chính phủ quy định tỷ lệ tối thiểu điện năng trong hợp đồng mua bán điện theo nguyên tắc ổn định, dài hạn bằng 70% sản lượng điện năng tối đa của nhà máy điện khí, theo thời gian trả nợ vốn vay của mỗi nhà máy điện khí.

4. Giao Bộ Công Thương chịu trách nhiệm ban hành các quy định và hướng dẫn cần thiết để thực hiện, đảm bảo thị trường điện vận hành các nhà máy điện khí phù hợp với các cơ chế được quy định tại Điều 3.2 và Điều 3.3.”

3.7 Về Cơ chế cho nhà máy điện khí sử dụng khí tự nhiên trong nước (Điều 4 dự thảo).

Để phù hợp với thực tế các dự án/NM đang hoạt động (trên thực tế một số nhà máy điện khí vừa sử dụng khí thiên nhiên trong nước và nhập khẩu (như nhà máy điện khí Cà Mau), cũng như các dự án/công trình hình thành trong tương lai đề nghị sửa đổi,

bổ sung Điều 4 dự thảo Nghị định cụ thể như sau:

“ Điều 4. Cơ chế cho nhà máy điện khí trong chuỗi sử dụng khí thiên nhiên

1. Đối với những dự án đầu khí thuộc danh mục các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia (bao gồm Chuỗi dự án khí Lô B, Cá Voi Xanh...), Chính phủ đồng ý nguyên tắc:

a. Chuyển ngang giá khí (bao gồm cả cước phí vận chuyển; phí phân phối) trong các hợp đồng mua bán khí sang giá điện của các nhà máy điện khí trong hợp đồng mua bán điện.

b. Chuyển ngang toàn bộ lượng khí bao tiêu trong hợp đồng mua bán khí sang hợp đồng mua bán điện.

2. Đối với nguồn khí thiên nhiên trong nước và nhập khẩu, Chính phủ đồng ý nguyên tắc chuyển ngang các lượng khí cam kết từ các hợp đồng mua bán khí sang hợp đồng mua bán điện với tỷ lệ điện năng ổn định, dài hạn tối thiểu bằng 70% sản lượng điện năng của mỗi nhà máy điện khí và phù hợp với các cam kết cấp khí trong hợp đồng mua bán khí của từng nguồn khí.

3. Giao Bộ Công Thương chịu trách nhiệm ban hành các quy định và hướng dẫn cần thiết để thực hiện, đảm bảo thị trường điện vận hành các nhà máy điện khí phù hợp với các cơ chế được quy định tại Điều 4.1 và Điều 4.2.”

3.8 Một số nội dung chính áp dụng trong hợp đồng mua bán điện (Điều 5)

Tại khoản 1 Điều 8 dự thảo có nêu: “ Đơn vị phát điện ký hợp đồng với Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo mẫu do Bộ Công Thương ban hành để tham gia Thị trường bán buôn điện cạnh tranh và bán điện năng của nhà máy điện lên thị trường điện giao ngay”.

Theo dự thảo nêu trên, thì tất cả các đơn vị phát điện phải thực hiện ký hợp đồng với Tập đoàn điện lực Việt Nam để tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh trên thị trường điện giao ngay. Nội dung này không phù hợp với tình hình thực tế của một số dự án đang/đã triển khai và đã được Chính phủ phê duyệt cơ chế (như chuỗi dự án khí Lô B), cũng như chưa phù hợp với dự thảo Luật điện lực sửa đổi. Đề nghị rà soát và có hướng dẫn nội dung này phù hợp.

Ngoài ra đề nghị sửa đổi nội dung tại đoạn 2 khoản 1 Điều 5 như sau: “Chi phí mua điện của các nhà máy điện sử dụng khí tự nhiên khai thác trong nước, khí tự nhiên nhập khẩu bằng đường ống, LNG nhập khẩu là các chi phí hợp lý, hợp lệ và được tính toán điều chỉnh trong giá bán lẻ điện”.

Tại khoản 2. Điều 5 về ngôn ngữ hợp đồng sử dụng là tiếng Việt. Tuy nhiên, trong một số trường hợp Bên mua và Bên bán có thể thỏa thuận bổ sung hợp đồng với ngôn ngữ sử dụng bằng tiếng Anh và cả hai bản tiếng anh và tiếng Việt đều có giá trị pháp lý như nhau.

Tại khoản 4. Điều 5 có nêu: “*Giá điện trong hợp đồng mua bán điện được tính bằng Đô la Mỹ, việc thanh toán được thực hiện bằng đồng Việt Nam*”. Đề nghị cần lấy ý kiến của Ngân hàng Nhà nước vì liên quan đến nội dung tại Pháp lệnh Ngoại hối và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Pháp lệnh.

4. Một số nội dung đề nghị cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và có quy định/hướng dẫn để làm cơ sở pháp lý cho các đơn vị/cơ quan triển khai thực hiện

4.1 Về cơ chế xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhập khẩu LNG:

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhập khẩu LNG trên thực tế còn thiếu để đáp ứng nhu cầu nhiên liệu cho nhà máy điện khí cũng như phục vụ cho nhu cầu trong nước nhằm đảm bảo mục tiêu đặt ra trong Quy hoạch Điện VIII (hiện mới có PVGas đã xây dựng kho chứa LNG Thị Vải phục vụ cho việc nhập khẩu LNG). Tuy nhiên **Cơ chế, tiêu chí để lựa chọn nhà đầu tư** xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhập khẩu LNG chưa có hướng dẫn/quy định cụ thể để làm cơ sở cho các nhà đầu tư tham gia, cũng như việc xem xét thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Ngoài ra, việc chưa xem xét có chính sách để kết nối hạ tầng nhập khẩu LNG và các nhà máy điện sẽ không tối ưu được nguồn lực, giảm hiệu quả đầu tư và lãng phí tài nguyên cảng biển của Việt Nam. Kinh nghiệm thực tế các nước, cơ sở hạ tầng nhập khẩu và kho chứa LNG thường được đầu tư tập trung thành các kho cảng trung tâm với quy mô lớn để đảm bảo có thể cung cấp LNG cho các nhà máy điện, hộ công nghiệp tại các khu vực lân cận thông qua hệ thống đường ống. Mô hình này không chỉ giảm thiểu chi phí đầu tư mà còn mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho các bên tham gia trong quá trình vận hành.

Do vậy, đề nghị cần nghiên cứu, bổ sung hướng dẫn/quy định về tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhập khẩu LNG; Chính sách/cơ chế về kết nối hạ tầng nhập khẩu LNG và các nhà máy điện.

4.2 Về cơ chế bảo lãnh/bảo đảm chuyển đổi ngoại tệ/nội tệ và nghĩa vụ thanh toán quốc tế về nhập khẩu LNG:

Theo quy định của pháp luật (Pháp lệnh ngoại hối, Luật Ngân hàng Nhà nước và Nghị định 50/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ), Chính phủ quyết định việc áp dụng cơ chế bảo đảm cân đối ngoại tệ đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở chính sách quản lý ngoại hối, khả năng cân đối ngoại tệ trong từng thời kỳ (theo quy định tại Điều 81 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 và Luật Đầu tư số 61/2020/QH14). Các dự án LNG trong Quy hoạch điện VIII không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hay Thủ tướng Chính phủ, nên việc bảo đảm chuyển đổi ngoại tệ để đáp ứng việc thanh toán quốc tế cho việc nhập khẩu LNG là chưa có cơ sở, điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp thực hiện thanh toán nhập khẩu LNG để tiêu thụ và cung cấp cho các nhà máy điện, cũng như cung ứng cho



nhu cầu nội địa. **Đề nghị có nghiên cứu hướng dẫn/quy định trong chuyển đổi ngoại tệ/nội tệ và nghĩa vụ thanh toán quốc tế trong nhập khẩu LNG.**

4.3 Về Cước phí nhập khẩu, tồn trữ và tái hóa LNG:

Luật Giá hiện hành chưa quy định cước phí nhập khẩu, tồn trữ, tái hóa LNG thuộc danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá nên cước phí này sẽ được các bên liên quan đàm phán và thống nhất. Đây cũng là một trong những vướng mắc lớn ảnh hưởng đến việc đàm phán ký kết các hợp đồng mua bán khí LNG và điện tương ứng do các bên khó thống nhất mức cước phí vì mâu thuẫn lợi ích giữa chủ đầu tư kho cảng LNG và các nhà máy điện bên mua điện.

Trên đây là một số ý kiến của Hội Dầu khí Việt Nam về dự thảo Nghị định, cũng như ý kiến đề xuất của Hội về một số nội dung cần tiếp tục có hướng dẫn gửi tới Ông Bộ trưởng Bộ Công Thương để xem xét và cho ý kiến chỉ đạo Ban soạn thảo nghị định nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tập đoàn DKVN;
- Các đơn vị: PVGas; PVPower;
- Lưu: VP Hội; Ban TVPB.

T/M HỘI DẦU KHÍ VIỆT NAM

CHỦ TỊCH



★ Nguyễn Quốc Thập